

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Địa chỉ: **Số H L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội;** đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành T** - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông **Đào Tùng L** - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: **Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Thôn X, xã P, tỉnh Quảng Trị).**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/7/2022.

Đại diện **Ngân hàng TMCP V (V1)** và bà **Nguyễn Thị N** thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 07/8/2025 bà **Nguyễn Thị N** còn nợ **Ngân hàng TMCP V** số tiền 265.233.504 đồng (trong đó: nợ gốc: 146.953.105 đồng và nợ lãi 118.280.399 đồng).

Về thời gian trả nợ: Chậm nhất ngày 07/10/2025, bà **Nguyễn Thị N** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** tổng số tiền 265.233.504 đồng (trong đó: nợ gốc: 146.953.105 đồng và nợ lãi 118.280.399 đồng).

Kể từ ngày 08/8/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong các khoản nợ, bà **Nguyễn Thị N** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/7/2022 đã ký kết.

2.2. Về án phí vụ kiện:

Các bên đương sự thỏa thuận: Bà **Nguyễn Thị N** thỏa thuận nộp 6.631.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào Ngân sách nhà nước.

Ngân hàng TMCP V (V1) không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền 6.023.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà **Ngân hàng TMCP V (V1)** đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002925 ngày 24/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Trị).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Trị;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Phương